

Bản án số: 298/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-5-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân

Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Huỳnh Nguyệt Ánh

2/ Bà Bà Hồ Thị Lệ Thu

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 730/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXX-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: **Số A đường H, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Số C đường N, khu phố A, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2023 của bà **Lê Thị H** và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

* Nguyên đơn bà **Lê Thị H** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **Nguyễn Văn T** trước đây đã tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 1993, ly hôn năm 1997, sau đó tiếp hàn gắn và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64 do **Ủy ban nhân dân phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh** cấp ngày 7/5/2007. Hai người sống hạnh phúc được vài năm đầu thì xảy ra mâu thuẫn, ông **T** hay ghen tuông vô cớ. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng hòa giải nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Bà **H** vẫn ở chung nhà, nấu ăn cho ông **T** nhưng mạnh ai nấy sống, khoảng 07 năm nay phòng ai nấy ở, không có tiếng nói chung, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do bất đồng quan điểm sống, lúc cãi nhau, ông **T** khóa cửa không cho bà **H** ra ngoài, còn kêu bà **H** nhảy lầu, nên bà **H** bỏ về nhà mẹ ruột từ tháng 12 năm 2023 đến nay. Việc bà **H** gửi đơn ly hôn tại Tòa án ông **T** có biết nhưng ông **T** nói với bà **H** là ông **H** không lên thì Tòa cũng cho ly hôn. Nên bà **H** gửi đơn xin được ly hôn với ông **T**.

- Về con chung: Bà **H** xác nhận bà với ông **T** không có con chung.
- Về tài sản chung: Bà **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung: Bà **H** xác nhận có nợ chung nhưng mượn của người thân nên không có giấy tờ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà **H** yêu cầu Tòa án không hòa giải vì ông **T** không lên Tòa án để giải quyết ly hôn.

Bị đơn ông **Nguyễn Văn T** vắng mặt, dù đã được tổng đạt hợp lệ.

Tại phiên tòa, bà **H** giữ nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông **T** vì bà và ông **T** không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý được quy định tại các điều từ 26 đến 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Bà **Lê Thị H** có yêu cầu được ly hôn với ông **Nguyễn Văn T** là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, do bị đơn ông **Nguyễn Văn T** có nơi cư trú tại **Quận G** nên căn cứ Khoản 1, Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông **Nguyễn Văn T** vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông **T**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 64 do **Ủy ban nhân dân phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh** cấp ngày 07/5/2007, có cơ sở

để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà **Lê Thị H** và ông **Nguyễn Văn T** là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn gia đình:

Bà **H** và ông **T** kết hôn năm 2007. Do mâu thuẫn, cãi vã, nay hai người mạnh ai nấy sống, tình cảm không còn, bà **H** nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông **T**.

Ông **Nguyễn Văn T** mặc dù biết việc bà **H** gửi đơn ly hôn nhưng không thiện chí để giải quyết vụ án, dù nhận được các văn bản tổng đạt của Tòa án nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không có ý kiến gì về mối quan hệ hôn nhân giữa bà **H** với ông **T** là ông **T** để mặc cho hậu quả xảy ra và không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này.

Xét, do tình cảm vợ chồng giữa bà **H** ông **T** không còn, mâu thuẫn đã đến lúc trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà **H** đã bỏ nhà đi, hai người mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên việc bà **H** có yêu cầu được ly hôn với ông **T** là có cơ sở, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **H**.

[2.3] Về con chung: Bà **H** xác nhận bà và ông **T** không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà **H** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Lê Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228 các Điều 207, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51; 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà **Lê Thị H**.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà **Lê Thị H** được ly hôn với ông **Nguyễn Văn T**.

[1.2] Về con chung: Bà **Lê Thị H** và ông **Nguyễn Văn T** không có con chung.

[1.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, bà **Lê Thị H** phải chịu. Bà **Lê Thị H** đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba

trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0037632 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **Lê Thị H** đã nộp đủ án phí.

[3] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- UBND phường Phú Thuận, Quận 7;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (tk. Dung).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân